

Bản tin chứng khoán

Trong số này

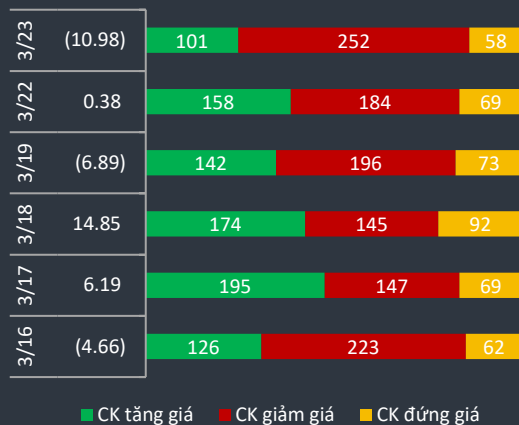
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường mở đầu khá tiêu cực với chỉ số bị dim khá sâu khi hàng loạt blue chip bị ì giá. Có thời điểm VN-Index mất hơn 16 điểm và chỉ hồi phục lại một chút khi gần đóng cửa. Nhờ lực cầu gia tăng vào cuối phiên giúp thị trường đóng cửa trên mức thấp nhất trong ngày. Các mã ngân hàng tác động lớn nhất đến đà giảm của chỉ số, trong đó có BID, VCB, TCB, CTG. Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu lại tạo sự hưng phấn lớn cho nhà đầu tư đặc biệt là họ cổ phiếu của FLC như ROS, ART, FLC. Tương tự hôm trước giá FLC loanh quanh giá 9 sau đó tăng tốc lên mức trần và dư mua hơn 31 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu xây dựng và vật liệu xây dựng cũng diễn biến khởi sắc phiên với các mã tăng như HUT, HBC, HT1, HCD, TLD và BCC

Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn chiếm vị trí giao dịch nhiều nhất bao gồm các mã CTG, TCB, STB, MBB.

Thông tin doanh nghiệp trong ngày nổi bật có KBC - Kinh Bắc đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 tăng vọt lên 6.600 tỷ đồng, gấp ba lần doanh thu năm ngoái. Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế mục tiêu đạt 2.000 tỷ đồng, tăng 573%. Nếu đạt được kế hoạch này, đây sẽ là kết quả kỷ lục của công ty từ trước đến nay. Tuy nhiên trong nhiều năm gần đây KBC thường đặt kế hoạch khá tham vọng nhưng kết quả kinh doanh thường đạt được thấp hơn khá nhiều. Hiện tại mục tiêu KBC là thành lập các đại dự án ở Hưng Yên, Hải Dương, Long An, Vũng Tàu nhằm tạo quỹ đất. Song song đó, doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với các khu công nghiệp cũ như Nam Sơn Hạ Lĩnh, Quang Châu, Tân Phú Trung, Trảng Duệ, Phúc Ninh, khu đô thị Trảng Cát và Trảng Duệ 3.

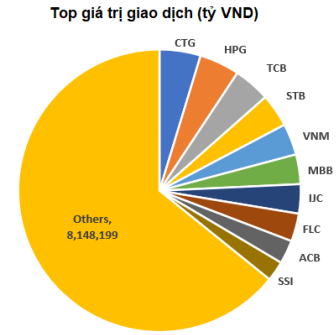
VCI vừa trình phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, tương đương giá trị thanh toán 496 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp đã tạm ứng cổ tức 2020 đợt 1 tỷ lệ 10%, tương đương 166 tỷ đồng. Ngoài ra, VCSC sẽ phát hành 166,5 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 từ nguồn vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác...). Vốn điều lệ sau phát hành gấp đôi lên 3.330 tỷ đồng.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	(190.26)	
CTG	(76.28)	
VCB	(30.96)	
VIC	(29.95)	
POW	(22.44)	
DXG	(15.23)	
DGW	(13.08)	
BSR		6.88
PVS		8.17
DBC		9.30
HPG		16.58
FUEVFVND		25.57
E1VFN30		27.82
MBB		94.39
MSB		175.54

Vnindex 1,183.45

▼ -10.98 (-0.92%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PDR	63.2	1,800	2.93
PLX	57.2	1,200	2.14
GAS	91.8	1,300	1.44
FPT	78.8	100	0.13
PNJ	84.2	-	-
DHG	100.4	(200)	(0.20)
HPG	46.6	(150)	(0.32)
SAB	178.0	(1,000)	(0.56)
VNM	100.2	(600)	(0.60)
VHM	98.7	(600)	(0.60)
MWG	131.0	(900)	(0.68)
BCM	57.4	(400)	(0.69)
VIC	106.5	(800)	(0.75)
BVH	61.7	(500)	(0.80)
VPB	44.5	(400)	(0.89)
NVL	80.0	(800)	(0.99)
MBB	28.4	(300)	(1.05)
GVR	29.4	(350)	(1.18)
ACB	33.0	(400)	(1.20)
VCB	95.8	(1,200)	(1.24)
VJC	131.0	(1,700)	(1.28)
VRE	34.2	(450)	(1.30)
VIB	44.5	(650)	(1.44)
CTG	40.5	(600)	(1.46)
SSI	32.9	(500)	(1.50)
HDB	26.5	(450)	(1.67)
TPB	28.3	(500)	(1.74)
REE	55.5	(1,000)	(1.77)
MSN	86.5	(1,600)	(1.82)
POW	13.3	(250)	(1.85)
TCB	40.5	(850)	(2.06)
STB	18.8	(400)	(2.08)
BID	43.7	(950)	(2.13)

Chỉ số Vnindex đã điều chỉnh sâu nhất trong tháng này và thoái lui về vùng giá 1180. Xu hướng ngắn hạn của Vnindex vẫn đang đi ngang với vùng đệm hỗ trợ bên dưới quanh 1160. Phiên giảm trong ngày chưa đưa ra tín hiệu gì xấu mà mặt khác dòng tiền vẫn hướng mạnh vào một số nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ cao như FLC, ROS. Cú giật của index không quá mạnh vì vậy chưa tạo vùng giá hấp dẫn để mua vào nhưng một số cổ phiếu cũng đã có giá hấp dẫn để theo dõi ngắn hạn hoặc mua thêm như STB, OCB, NKG, DGW, DIG ... Vùng hỗ trợ 1160 vẫn khá mạnh vì vậy nếu Vnindex thoái lui thêm những phiên tới là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	130.0	1.00	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%
MBB	28.4	(0.70)	20	27	Mua quanh 21-22. Chốt lãi 30	2/3/2021	16.9%
FPT	78.8	(2.70)	55	75	Mua quanh 62-65. Chốt lãi quanh 82-84	2/3/2021	12.6%
CTG	40.5	1.00	30	40	Mua quanh 32-34. Chốt lãi quanh 40-42	2/3/2021	16.0%
VPB	44.5	(0.50)	30	40	Mua quanh 30-32. Mục tiêu 50	2/3/2021	25.4%
HSG	28.6	1.10	18	28	Mua quanh 20-22. Mục tiêu 32	2/3/2021	19.7%
GVR	29.4	(0.50)	20	32	NẮM GIỮ. Chốt lãi quanh 31-33	2/3/2021	17.6%
OCB	24.6	1.00	18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	17.1%
NKG	22.6	1.00	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 27	3/3/2021	18.9%
HPG	46.6	1.20	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 50	2/3/2021	11.0%
STB	18.8	-	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 22	2/3/2021	4.4%
MWG	131.0	(1.70)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	2.7%
PNJ	84.2	1.10	75	90	Mua quanh 75-80. Mục tiêu 90	2/3/2021	1.6%
VCB	95.8	0.10	90	110	Mua quanh 90-95	2/3/2021	-3.1%
HNG	11.9	(4.80)	11	16	Mua quanh 12. mục tiêu 16	3/22/2021	-0.8%
DIG	31.1	(0.30)	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	0.3%

 Chuẩn bị chốt lãi
 Danh mục mua mới

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

PDR	2.93
ILB	2.94
TLD	3.09
SJF	3.16
HT1	3.49
ROS	3.49
FCM	3.68
HSL	4.05
DLG	4.48
TSC	4.82
HAP	6.15
TNT	6.16
HVH	6.67
TVB	6.67
EVE	6.80
TS4	6.85
HCD	6.86
CIG	6.86
CCI	6.87
CVT	6.89
SAV	6.90
DAH	6.98
FLC	6.99

Top tăng giá HNX

DC2	9.63
VCC	9.64
GLT	9.65
TTZ	9.68
HLY	9.69
L18	9.70
PPS	9.78
VC9	9.84
KTT	9.87
HMH	10.00
DID	14.41

PVB – CTCP Bọc ống Dầu khí Việt Nam – Đã đưa ra chỉ tiêu kinh doanh năm 2021 với tổng doanh thu 90 tỷ đồng, giảm 87% so với năm trước. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là âm 12,2 tỷ đồng và không chia cổ tức.

VJC - CTCP Hàng không Vietjet - Thông báo, bắt đầu đăng ký bán toàn bộ hơn 17,77 triệu cổ phiếu quỹ hiện có từ ngày 30/3 đến 28/4 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

HID - CTCP Halcom Việt Nam – Đã thông qua việc góp vốn 100 tỷ đồng thành lập CTCP Hal Invest, tương ứng tỷ lệ sở hữu 40%/vốn Công ty mới.

DIG - Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Dự kiến phát hành hơn 31,84 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019, tương ứng tỷ lệ thực hiện 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 31/3/2021.

GTA – CTCP Chế biến gỗ Thuận An - Đã thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với tổng doanh thu dự kiến đạt trên 593,6 tỷ đồng (xấp xỉ 2020) và lãi sau thuế tối thiểu 18,9 tỷ đồng (tăng 3%). Về phân phối lợi nhuận, Công ty sẽ trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 12%/mệnh giá (1 cổ phiếu nhận được 1.200 đồng). Đây cũng là tỷ lệ chia cổ tức dự kiến cho năm 2021.

NAV - CTCP Nam Việt - Navifico đặt kế hoạch 2021 với chỉ tiêu doanh thu thuần 26 tỷ đồng và lãi trước thuế 18 tỷ đồng, lần lượt giảm 63% và 34% so với thực hiện trong 2020.

FOC - CTCP Dịch vụ Trực tuyến FPT - Dự kiến trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 200% (1 cp nhận được 20.000 đồng), cao nhất từ trước đến nay.

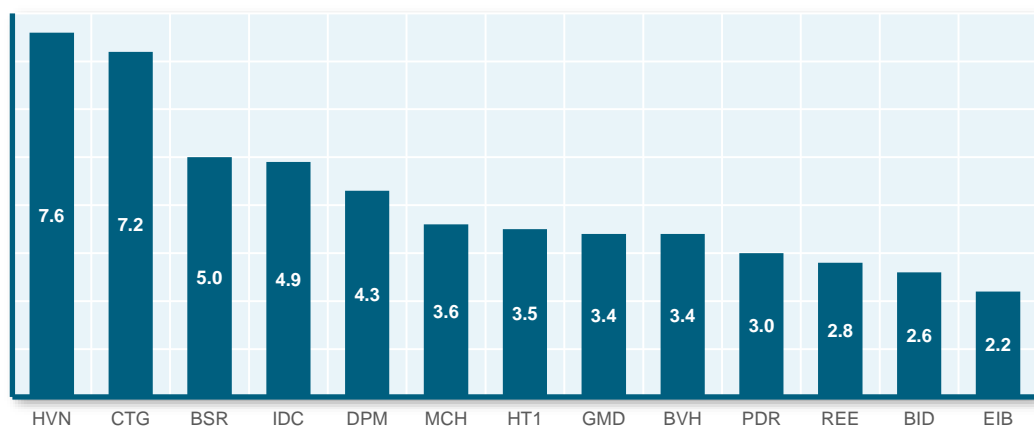
VHD - CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị Vinaconex - Mức lãi sau thuế 2021 được kỳ vọng sẽ đạt 1,1 tỷ đồng, gấp 2 lần so với kết quả thực hiện trong năm 2020. Tuy nhiên, mức doanh thu dự kiến sẽ chỉ đạt hơn 8 tỷ đồng, thấp hơn kết quả 2020 gần 19%.

HUG - Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP - Sẽ bán toàn bộ 1,96 triệu cp đang nắm giữ (tỷ lệ 78,4%) tại May Sơn Động. Với giá chuyển nhượng là 8.800 đồng/cp, tổng giá trị thương vụ dự kiến hơn 17 tỷ đồng. Trong đó, CTCP May Xuất khẩu Phú Thịnh sẽ nhận chuyển nhượng từ HUG 40% vốn tại May Sơn Động.

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới di động - Đã thông qua việc phát hành hơn 9,32 triệu cổ phiếu ESOP, với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

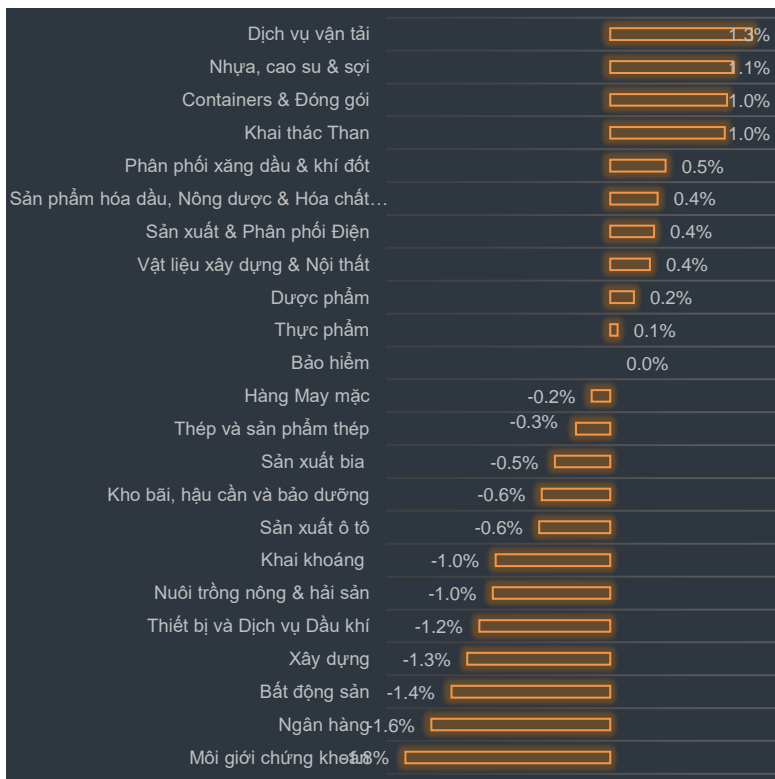
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	14.5	2,299,036	9.7	1.0	-	-	8,284	30.00	1,500	14,770
ACB	HOSE	33	10,347,000	10.7	2.2	321,100	321,100	71,331	29.94	3,090	15,230
BAB	HNX	29.8	52,100	36.8	2.6	200	-	21,113	-	810	11,570
BID	HOSE	43.7	4,549,300	20.5	2.2	74,900	89,600	175,762	17.11	2,130	19,450
CTG	HOSE	40.5	14,649,900	13.7	1.8	150,600	2,020,300	150,798	27.59	2,950	22,230
EIB	HOSE	19	769,300	27.1	1.4	-	-	23,359	29.82	700	13,500
HDB	HOSE	26.5	3,947,000	7.6	1.4	47,000	351,600	42,235	16.87	3,490	19,140
LPB	UPCOM	16.3	12,019,100	9.5	1.2	1,000	-	17,463	5.00	1,720	14,090
MBB	HOSE	28.4	15,105,300	9.5	1.6	4,370,400	1,059,200	79,345	23.18	2,990	18,140
MSB	HOSE	21.5	6,249,400	16.8	1.6	34,104,500	26,100,200	23,101	30.00	1,280	13,750
NVB	HNX	14.6	5,680,408	132.7	1.4	25,700	16,700	5,939	8.83	110	10,400
OCB	HOSE	24.6	4,736,400	4.4	1.7	55,100	-	26,959	15.00	5,610	14,510
SHB	HNX	18.8	36,743,175	12.1	1.4	35,600	10,324	32,910	3.69	1,550	13,600
STB	HOSE	18.8	25,297,500	14.2	1.2	547,900	1,166,000	33,909	9.27	1,320	15,640
TCB	HOSE	40.5	12,997,700	12.7	2.1	631,530	631,530	141,773	22.49	3,180	19,620
TPB	HOSE	28.3	4,377,900	6.5	1.5	-	-	29,196	30.00	4,350	18,280
VCB	HOSE	95.8	940,800	20.7	3.8	155,600	478,500	355,310	23.51	4,630	25,200
VIB	HOSE	44.5	609,600	9.9	3.3	-	-	49,368	20.49	4,490	13,340
VPB	HOSE	44.5	3,984,700	10.7	2.2	800,000	800,000	109,236	23.45	4,150	20,260
			165,355,619	20.31	1.87	41,321,130	33,045,054	1,238,789		2,634	16,459



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	RDP	HOSE	2/4/2021	5/4/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:16	Thưởng cổ phiếu
2	BWA	UPCoM	2/4/2021	5/4/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	DNR	UPCoM	2/4/2021	5/4/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	DM7	UPCoM	30/03/2021	31/03/2021	12/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VPD	HOSE	30/03/2021	31/03/2021	20/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CMF	UPCoM	30/03/2021	31/03/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	KCE	UPCoM	29/03/2021	30/03/2021	20/04/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CAP	HNX	29/03/2021	30/03/2021	28/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 4,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	THS	HNX	26/03/2021	29/03/2021	9/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DP3	HNX	26/03/2021	29/03/2021	28/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TMW	UPCoM	26/03/2021	29/03/2021	5/5/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	VTC	HNX	25/03/2021	26/03/2021	27/04/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	LBM	HOSE	25/03/2021	26/03/2021	20/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	SFI	HOSE	24/03/2021	25/03/2021	7/4/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	CX8	HNX	24/03/2021	25/03/2021	28/04/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ACE	UPCoM	24/03/2021	25/03/2021	26/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	EPH	UPCoM	24/03/2021	25/03/2021	12/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	HTU	UPCoM	24/03/2021	25/03/2021	12/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 64 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	EAD	UPCoM	23/03/2021	24/03/2021	15/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	KHS	HNX	23/03/2021	24/03/2021	5/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	ECI	HNX	23/03/2021	24/03/2021	29/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	PDR	HOSE	23/03/2021	24/03/2021		Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	SOV	UPCoM	23/03/2021	24/03/2021	7/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	EBS	HNX	23/03/2021	24/03/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	LBE	HNX	23/03/2021	24/03/2021	14/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SGD	HNX	23/03/2021	24/03/2021	8/4/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TPH	HNX	22/03/2021	23/03/2021	21/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	ADP	UPCoM	22/03/2021	23/03/2021	44231	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

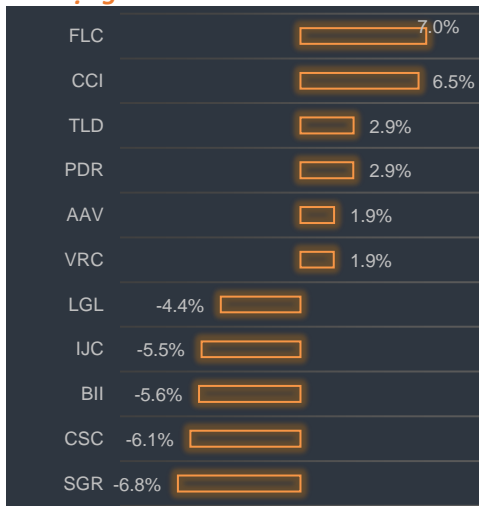
Tăng giảm ngành trong ngày



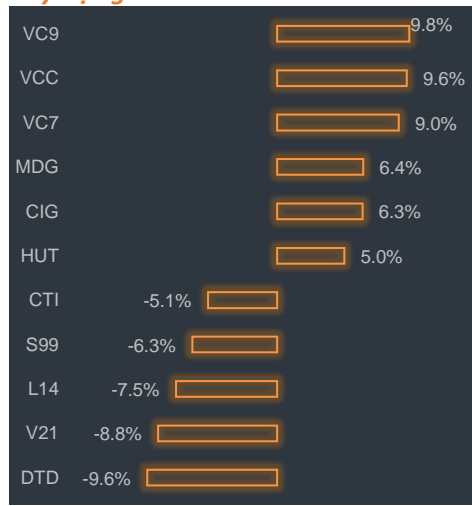
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	FLC, CCI, TLD
Xây dựng:	VC9, VCC, VC7
Dầu khí:	PCG, PVC, GAS
Chứng khoán:	TVB, WSS, SBS
Ngân hàng:	LPB, ABB, VPB

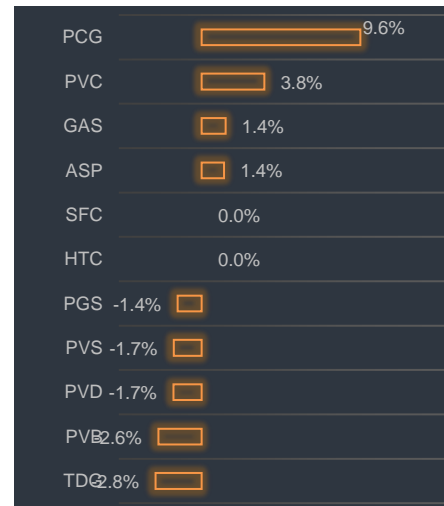
Bất động sản



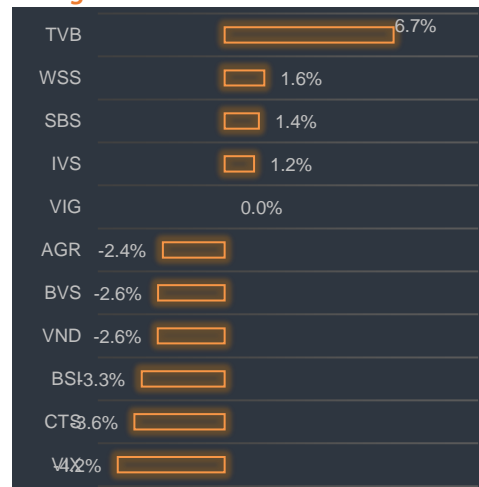
Xây dựng



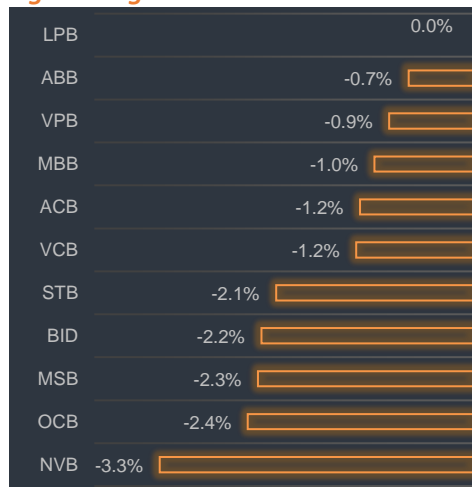
Dầu khí



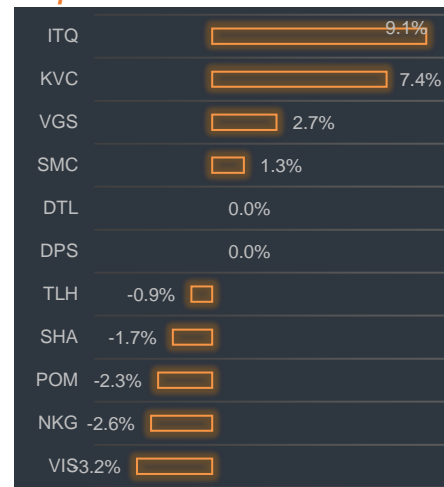
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931